

Số: /BC-UBND

Long An, ngày tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-BGDĐT ngày 04/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức khảo sát, sơ kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Công văn số 1426/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sơ kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019-2025.

UBND tỉnh báo cáo sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình kinh tế - xã hội

Long An là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có 13 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố với 188 xã, phường, thị trấn. Tỉnh có diện tích 449.194,49 ha, dân số 1.688.547 người. Đặc biệt có vị trí nằm giữa vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam, giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh, nối kết với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Long An có 132,77 km đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia; có cửa sông Soài Rạp hướng ra Biển Đông. Long An có khả năng phát triển công nghiệp, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu. Tỉnh đã thu hút được nguồn vốn đầu tư và một phần lực lượng lao động rất lớn từ các tỉnh, thành phố đến nhập cư sinh sống, học tập và làm việc, đặc biệt là tại các khu, cụm công nghiệp. Lĩnh vực văn hóa - xã hội ngày càng tiến bộ, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực y tế, giáo dục và phát triển du lịch. Quốc phòng, an ninh cơ bản được đảm bảo, cải cách hành chính đạt nhiều hiệu quả tích cực. Đời sống nhân dân không ngừng tăng lên, thu nhập bình quân năm 2020 là 77 triệu đồng/người. Hộ nghèo giảm còn 1,16%.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,32% trong tổng GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 52,14%; khu vực

thương mại, dịch vụ và thuế chiếm 32,54%. Cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 12.692 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 329.840 tỷ đồng. Tổng số dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký trên địa bàn tỉnh là 1.085 dự án, vốn đăng ký là 6.668,48 triệu USD; trong đó, có 588 dự án đi vào hoạt động, chiếm 54,1% tổng số dự án đăng ký, với tổng vốn thực hiện khoảng 3.624 triệu USD, đạt 54,3% tổng vốn đăng ký.

2. Tình hình giáo dục

Toàn tỉnh hiện có 592 đơn vị trường học từ mầm non đến phổ thông, 02 trường Đại học, 01 trường Cao đẳng, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật tổng hợp, hơn 100 trung tâm ngoại ngữ, tin học, 187 trung tâm văn hóa - thể thao và học tập cộng đồng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được nâng cao về chất lượng, cơ bản đạt chuẩn theo quy định về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm. Chất lượng giáo dục, đào tạo của tỉnh ổn định và có nhiều mặt chuyển biến tích cực. Cuối năm 2020, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 50,85%. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020 đạt 99,64% (tăng 2,44% so với năm 2019). Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2020 đạt 99,99%. Hàng năm, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì bền vững và nâng dần chất lượng các kết quả đã đạt. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được thực hiện nhiều năm và bước đầu đạt được những kết quả khả quan.

3. Tình hình giáo dục nghề nghiệp

Hiện nay, số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm có 25 cơ sở (10 cơ sở công lập, chiếm tỷ lệ 40%; 15 cơ sở ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 60%), trong đó: 03 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp, 07 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 08 cơ sở, doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp. Trong mạng lưới có Trường Cao đẳng Long An và Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đầu tư 06 nghề trọng điểm (02 nghề cấp độ quốc tế; 02 nghề cấp độ khu vực ASEAN; 02 nghề cấp độ quốc gia).

4. Thuận lợi, khó khăn

4.1. Thuận lợi

- Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông luôn được cấp ủy, UBND các cấp quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo.

- UBND cấp huyện ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện phân luồng, hướng nghề, hướng nghiệp, đây là cơ sở thuận lợi trong công tác phân luồng học sinh trong các nhà trường phổ thông; tạo nhiều cơ hội cho học sinh, sinh viên học nghề bằng nhiều phương thức, ở nhiều trình độ đào tạo.

- Được sự hỗ trợ và phối hợp của các ngành, các cấp; sự đồng hành của các tổ chức doanh nghiệp, cơ quan, cơ sở đào tạo, đoàn thể xã hội, các trường nghề; các cơ quan thông tin, truyền thông và giáo viên.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông hiện nay được các trường quan tâm thực hiện khá đồng bộ; học sinh nhận thức được mục tiêu học tập của từng nhóm ngành nghề, hiểu rõ được tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp tương lai.

- Việc tốt nghiệp đại học khó kiếm được việc làm, trong khi tốt nghiệp trung cấp lại có nhiều cơ hội xin được việc làm có thu nhập ổn định trong tình hình hiện nay, phần nào tác động đến học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở chuyển sang học nghề.

- Đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên, nên nhiều gia đình đã quan tâm hơn đến việc học tập của con em mình.

- Trường, lớp các cấp học ở các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh.

- Công nghiệp phát triển mạnh, thu hút các công ty, doanh nghiệp đến đầu tư, từ đó có thêm điều kiện để kêu gọi đầu tư xây dựng trường, lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em công nhân.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên an tâm công tác, luôn phấn đấu dạy tốt, kết quả dạy và học được nâng lên trong từng năm.

- Hàng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến các trường học để làm công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

- Nhu cầu của các doanh nghiệp, công ty về lực lượng lao động có tay nghề cao ngày càng nhiều; nhận thức của một bộ phận học sinh và cha mẹ học sinh về giáo dục nghề nghiệp bước đầu có nhiều sự chuyển biến; liên kết giữa các doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong công tác đào tạo được đẩy mạnh; hoạt động tư vấn, định hướng phân luồng học sinh được các địa phương và ngành giáo dục quan tâm.

4.2. Khó khăn

- Phần lớn học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vẫn tập trung vào học các trường trung học phổ thông chính quy, sau đó tiếp tục chọn con đường học đại học, cao đẳng hoặc đi làm công nhân hoặc phụ giúp gia đình; còn lại học hệ giáo dục thường xuyên.

- Vẫn còn nhiều phụ huynh học sinh chưa quan tâm hướng đi cho con em mình sau tốt nghiệp trung học cơ sở, không muốn con em mình tiếp tục học trung học phổ thông hay học nghề mà muốn cho lao động tự do để có ngay thu nhập.

- Ngành nghề đào tạo của trường nghề ở tỉnh chưa phong phú, không có nhiều cơ hội cho các em lựa chọn, không có nghề các em đam mê, đặc biệt là nghề dành cho nữ, nên một số em sau tốt nghiệp trung học cơ sở không vào lớp 10 đã đi học nghề tự do mà không vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Một số trường gặp khó khăn trong việc vận động học sinh học nghề do phụ huynh lo sợ con em đi học xa nhà, tiếp cận xã hội quá sớm dễ bị cám dỗ rơi vào hư hỏng, khó quản lý, đặc biệt là đối với học sinh nữ.

- Chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 đã cũ, một số chủ đề không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay, giáo viên phải lựa chọn thêm một số ngành nghề phù hợp ở địa phương để mở rộng giáo dục cho học sinh.

- Việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở chưa đạt hiệu quả: học sinh có học lực trung bình, yếu vẫn đăng ký dự thi tuyển sinh vào lớp 10.

- Nhiều học sinh không biết sẽ chọn nghề gì phù hợp với mình, nên lúng túng khi chọn trường để học nghề.

- Một số địa phương chưa có nhiều nhà máy, xí nghiệp để tuyển dụng lao động qua đào tạo, nhất là các huyện nông nghiệp của tỉnh; thiếu đội ngũ giáo viên giỏi hoặc chuyên gia tư vấn để định hướng nghề nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Đề án

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020 (%)	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ (%)	
01	Trường THCS có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.	69,59	146	104	71,23	Đạt
02	Trường THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.	88,10	39	36	92,31	Đạt
03	Trường THCS có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.	71,62	146	120	82,19	Đạt
04	Trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.	95,24	39	39	100	Đạt
05	Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.	21,72	25.943	3.052	11,76	Chưa đạt
06	Học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng	41,91	18.429	6.793	36,86	Chưa đạt

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

2.1. Về việc nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Long An, Đài Phát thanh và Truyền hình Long An thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh, những điển hình học nghề, có việc làm, giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức phong phú, đa dạng như: bài viết, phóng sự, video clip, panô tuyên truyền, bước đầu đã nâng cao được nhận thức của các cấp, các ngành, học sinh và phụ huynh học sinh về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp đối với việc làm, thu nhập của người lao động, qua đó thu hút được học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục, cha mẹ học sinh, học sinh và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Thông tin đến các trường các văn bản, chuyên đề về công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông cho đối tượng học sinh, phụ huynh học sinh, nhằm giúp học sinh và gia đình học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp.

- Chỉ đạo các trường tiểu học và trung học cơ sở, trung học cơ sở trên địa bàn tiếp tục tăng cường tuyên truyền Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh nhằm nâng cao nhận thức của phụ huynh, học sinh và toàn xã hội về giáo dục nghề nghiệp, định hướng cho học sinh lựa chọn ngành, nghề phù hợp với khả năng, năng lực bản thân.

- Các trường trung học cơ sở, trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật tổng hợp tuyên truyền trong các cuộc họp hội đồng cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh học sinh và trong các tiết hướng nghiệp cho học sinh. Bên cạnh đó còn mời các trường nghề tư vấn cho các em học sinh khối 9 và khối 12.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tuyên truyền thông qua hình thức như: phối hợp với báo, đài; đăng thông tin tuyên truyền lên Website của đơn vị; phối hợp với các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, tổ chức cho học sinh tham quan thực tế tại cơ sở đào tạo nghề; tổ chức ngày hội việc làm tại các trường cho học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp tham gia phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp với các doanh nghiệp trên địa bàn.

2.2. Về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông

- Các trường học thực hiện việc dạy học gắn với sản xuất kinh doanh, dịch vụ của địa phương, giúp học sinh nắm được các ngành nghề phát triển tại địa phương.

- Xây dựng chương trình thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh ở địa phương; hình thành cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến ngành, nghề.

- Đổi mới nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường, theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi.

- Thực hiện đưa môn Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 áp dụng từng bước vào năm học.

2.3. Về xây dựng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường trung học

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình, luôn rèn luyện, tìm tòi học hỏi tích cực học tập, tu dưỡng về chuyên môn trong công tác hướng nghiệp giúp học sinh định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.

- Các trường học lựa chọn những giáo viên có kinh nghiệm, nắm bắt được khả năng, tâm lý, tâm tư nguyện vọng của học sinh kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp, từ đó giúp học sinh đưa ra lựa chọn phù hợp với khả năng của học sinh sau khi tốt nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên; rà soát cập nhật, bổ sung chương trình; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập, đánh giá, nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng ngày càng cao của doanh nghiệp, thị trường lao động.

2.4. Về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông.

- Các trường rà soát, bổ sung trang thiết bị hàng năm, sửa chữa những công trình xuống cấp phục vụ công tác dạy và học cũng như phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị để mở rộng ngành nghề, tăng quy mô tuyển sinh, nâng cao năng lực tiếp nhận học sinh sau phân luồng vào học nghề. Đầu tư các nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực ASEAN và Quốc tế theo quy hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.5. Về văn bản triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông

Thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh

trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/6/2019 triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thành lập Ban điều hành và Tổ giúp việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

Thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương đã có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án như:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Công văn số 1584/SGDĐT-GDTrH ngày 25/6/2019 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”.

- Công văn số 1708/SGDĐT-GDTrH ngày 08/7/2019 về việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2019.

- Kế hoạch số 1843/KH-SGDĐT ngày 11/6/2020 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025” năm 2020.

- Công văn số 1878/SGDĐT-HCQT ngày 15/6/2020 về việc thực hiện chỉ tiêu học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

- Công văn số 2013/SGDĐT-GDTrH ngày 01/7/2020 về việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

- Công văn số 2439/SGDĐT-GDTrH ngày 04/8/2020 về việc tăng cường công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

- Công văn số 2806/SGDĐT-GDTrH ngày 08/9/2020 về việc tăng cường vận động học sinh ra lớp, đến trường.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Công văn số 1197/SLĐTBXH-GDNN ngày 01/8/2019 về việc phối hợp tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 1955/SLĐTBXH-GDNN ngày 06/12/2019 về việc rà soát, thống kê học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở không vào học lớp 10 hoặc không vào học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 522/SLĐTBXH-GDNN ngày 28/02/2020 về việc tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo năm 2020.

- Công văn số 2157/SLĐTBXH-GDNN ngày 30/7/2020 về việc tăng cường công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

- Công văn số 2733/SLĐTBH-GDNN ngày 25/9/2020 về việc tư vấn vận động học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở học nghề.

- Công văn số 671/SLĐTĐBXH-LĐVL&GDNN ngày 10/3/2021 về việc phối hợp phối hợp, hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh và triển khai Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể tỉnh đã tổ chức vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia, hưởng ứng thực hiện kế hoạch.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; định kỳ sơ kết kết quả thực hiện, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đưa nội dung “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025” năm 2020 vào kế hoạch hoạt động năm học của các trường trung học cơ sở, trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp, giải pháp thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông đảm bảo đạt các chỉ tiêu hàng năm theo Kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo các trường trung học cơ sở trên địa bàn tiếp tục tăng cường tuyên truyền Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, hội có nhiều biện pháp, giải pháp thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông đảm bảo đạt các chỉ tiêu hàng năm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các trường trung học cơ sở đưa nhiệm vụ “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông” năm 2020 vào kế hoạch năm học của đơn vị.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các trường trung học cơ sở phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng dẫn đăng ký dự tuyển giáo dục nghề nghiệp cho học sinh khối lớp 9 có nhu cầu đăng ký học nghề.

đ) Các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Các cơ sở giáo dục phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư vấn học sinh chọn nghề phù hợp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cha mẹ học sinh về việc học nghề, giải quyết việc làm trong giai đoạn hiện nay.

- Các cơ sở giáo dục phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư vấn trực tiếp đối với học sinh, cha mẹ học sinh tại trường về các ngành nghề đào tạo hiện nay của trường, tư vấn xu hướng việc làm trong thời gian tới.

2.6. Về việc huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước tham gia giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông

a) Về việc huy động nguồn lực xã hội

- Các trường học phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo gắn với giải quyết việc làm với nhiều hình thức như: Tổ chức đào tạo nghề tại doanh nghiệp; đưa học sinh, sinh viên thực hành, thực tập; phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo. Kết quả có trên 90% học sinh, sinh viên sau đào tạo có việc làm, đặc biệt là các nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật như: Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Hàn, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí...; học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng không đủ đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Kết quả trên đã góp phần thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề để thực hiện mục tiêu phân luồng.

- Các trường đã phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh huy động nguồn lực hỗ trợ cho công tác tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng trong các buổi tư vấn hướng nghiệp tại các trường.

b) Một số mô hình hay, hiệu quả

- Năm 2020, UBND huyện Vĩnh Hưng ban hành kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp cho học sinh phổ thông trên địa bàn huyện với các nội dung:

+ Công tác truyền thông tập trung truyền tải về: vai trò, vị trí, sự cần thiết của giáo dục nghề nghiệp trong cơ cấu phát triển nguồn nhân lực; đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua đó làm nổi bật vai trò của giáo dục nghề nghiệp trong việc nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam nói chung và lao động trong huyện nói riêng. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đảm bảo an sinh xã hội.

+ Nội dung truyền thông tiếp tục làm nổi bật các Thông điệp: *“Tương lai tươi sáng cùng giáo dục nghề nghiệp”*; *“Giáo dục nghề nghiệp thực học, thực hành”*; *“Vững khởi nghiệp, sáng tương lai”*.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng Trường Cao đẳng Long An - Cơ sở Đồng Tháp Mười tổ chức buổi tư vấn, giải đáp các thắc mắc, tìm ra các giải pháp để định hướng, phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở về: Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp và nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài tỉnh. Trao đổi, đề xuất, kiến nghị để nâng cao công tác tư vấn phân luồng cho học

sinh. Tập trung giải đáp những băn khoăn của học sinh và phụ huynh về học nghề; “Con đường” nào dành cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp trung học cơ sở; học hết lớp 9 có được học trung cấp, cao đẳng hay không?

- Năm 2021, được sự thống nhất của Trường Cao đẳng Long An - Cơ sở Đồng Tháp Mười, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Hưng xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi viết ***“Tôi chọn nghề”*** trên địa bàn huyện với nội dung:

+ Bài dự thi thể hiện nội dung ***“Tôi chọn nghề”*** kể về những câu chuyện, suy nghĩ có thật về lựa chọn nghề, lựa chọn giáo dục nghề nghiệp của cá nhân khi xã hội vẫn còn coi trọng con đường đại học.

+ Bài dự thi viết về thành công của các nhân vật, cá nhân khi lựa chọn nghề, giáo dục nghề nghiệp. Giáo dục nghề nghiệp là con đường dẫn đến thành công, tương lai tươi sáng.

+ Đối tượng tham dự: Học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông đang học phổ thông hoặc đang học tại các trường dạy nghề có hộ khẩu tại huyện Vĩnh Hưng. Cha mẹ học sinh có con đã, đang và sẽ dự định cho con học trường nghề. Cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông trong huyện.

- Năm 2021, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mộc Hóa phối hợp cùng với Trường Cao đẳng Long An tổ chức buổi hội nghị tư vấn, giải đáp thắc mắc, tìm ra các giải pháp để định hướng, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đối với các trường trên địa bàn huyện về:

+ Nhu cầu nghề nghiệp trong tương lai và hiện tại của thị trường lao động, của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Trao đổi, đề xuất, kiến nghị để nâng cao công tác tư vấn, phân luồng cho học sinh.

+ Tập trung giải quyết những băn khoăn của học sinh và phụ huynh học sinh về công tác học nghề; “Con đường” nào dành cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp trung học cơ sở; học hết lớp 9 có được học trung cấp, cao đẳng hay không?

+ Tổ chức cho học sinh không thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021-2022 tham quan, giới thiệu các ngành nghề đào tạo tại Trường Cao đẳng Long An.

2.7. Về quản lý đối với giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông

- Lãnh đạo địa phương giao nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, xã.

- Công tác định hướng phân luồng có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở giáo dục và sự đồng thuận của xã hội. Có sự chung tay của các ban, ngành, đoàn thể và cơ bản có sự thay đổi suy nghĩ của các bậc phụ huynh học sinh về giáo dục nghề nghiệp.

- Phòng giáo dục và đào tạo đã chỉ đạo các trường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- Các trường học thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh; các trường chủ động liên hệ với các ban, ngành ở địa phương và các trường nghề tổ chức tham quan, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm và nguyên nhân đạt được

a) Ưu điểm

- Triển khai thực hiện đạt và vượt 4/6 chỉ tiêu đã đăng ký năm 2020, cụ thể:

+ Tỷ lệ trường học trung học cơ sở có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương là 71,23% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 69,59%).

+ Tỷ lệ trường học trung học cơ sở có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ là 82,19% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 71,62%).

+ Tỷ lệ trường học trung học phổ thông có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương là 92,31% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 88,10%).

+ Tỷ lệ trường học trung học phổ thông có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ là 100% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 95,24%).

- Công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh được chú trọng thực hiện hàng năm, có xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, có đề ra chỉ tiêu, biện pháp, công tác phối hợp thực hiện bước đầu mang lại hiệu quả.

- Các trường phổ thông đã chủ động, tích cực thực hiện công tác hướng nghiệp tại đơn vị; xây dựng kế hoạch sát thực tiễn, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm; có đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục có phân công giáo viên đã được tập huấn thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp; có sự phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, trung tâm giới thiệu việc làm và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức phiên giới thiệu việc làm, tư vấn học sinh đăng ký vào học các trường trung cấp nghề, các lớp học nghề gắn với địa chỉ nhà tuyển dụng lao động.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo gắn với giải quyết việc làm.

b) Nguyên nhân

- Được sự quan chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự phối kết hợp của các ban, ngành, đoàn thể.

- Công tác định hướng phân luồng có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở giáo dục và sự đồng thuận của xã hội. Có sự chung tay của các ban, ngành, đoàn thể và cơ bản có sự thay đổi suy nghĩ của các bậc phụ huynh học sinh về giáo dục nghề nghiệp.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Triển khai thực hiện chưa đạt 2/6 chỉ tiêu đã đăng ký năm 2020, cụ thể:

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp là 11,76% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 21,72%).

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng là 36,86% (năm 2020 đăng ký tỷ lệ là 41,91%).

- Công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông hiệu quả chưa cao; phần lớn giáo viên làm công tác tư vấn, hướng nghiệp là giáo viên kiêm nhiệm, ít được tập huấn, bồi dưỡng nên thiếu phương pháp, kỹ năng, nhận thức chưa đầy đủ về công việc mình đảm nhận.

- Các trường mới chỉ chú trọng đầu tư chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy và học các bộ môn văn hóa, chỉ tập trung cho “luồng” học sinh học lên trung học phổ thông, chưa tận dụng được các giờ học giáo dục hướng nghiệp trong chương trình đề tư vấn cho học sinh một cách hiệu quả.

- Tài liệu để thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp còn rất hạn chế.

- Một số học sinh chưa định hướng được ngành nghề phù hợp với trình độ học vấn của mình.

- Công tác phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong việc tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chưa thật sự chặt chẽ.

- Các địa phương chưa có nhiều mô hình hay, hiệu quả, sáng tạo trong thực hiện.

- Địa bàn vùng sâu, vùng xa, ít có các nhà máy xí nghiệp, nhà tuyển dụng lao động ít, giá cả lao động nông thôn quá rẻ so với khu vực nên công tác tư vấn ngành nghề học sinh cũng còn gặp khó khăn.

b) Nguyên nhân

- Một số lãnh đạo địa phương chưa thường xuyên quan tâm đến công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh. Sự phối hợp giữa các ngành có lúc, có nơi chưa có sự đồng bộ, chặt chẽ.

- Công tác tuyên truyền tuy được quan tâm nhưng thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả đạt được chưa cao, chưa nâng cao được nhận thức của các cấp,

các ngành và xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp đối với lập thân, lập nghiệp của người lao động.

- Các kênh thông tin về giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động còn ít nên thiếu thông tin trong công tác định hướng phân luồng.

- Một số huyện không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường học chỉ chú trọng công tác giáo dục, tư vấn, định hướng hướng nghiệp cho học sinh.

- Các trường không có giáo viên chuyên trách về tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Giáo viên không được đào tạo về chuyên môn giáo dục hướng nghiệp.

- Tư tưởng của nhiều phụ huynh còn nặng về tấm bằng “đại học”, không muốn con em học nghề sớm; nhiều phụ huynh chưa quan tâm, tìm hiểu về tầm quan trọng của việc học nghề, còn lúng túng trong việc định hướng nghề nghiệp phù hợp cho con của mình; phụ huynh học sinh và học sinh chưa xem trọng cấp học trung cấp, sơ cấp nghề.

- Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền còn hạn chế.

4. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương phải kiên quyết, có nhiều giải pháp đột phá để đảm bảo đạt các chỉ tiêu đúng tiến độ của Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Các cơ quan đoàn thể trong hệ thống chính trị tại địa phương vào cuộc quyết liệt hơn, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

- Các cơ quan truyền thông cần tăng cường thông tin, tuyên truyền công tác phân luồng, hướng nghiệp để làm thay đổi nhận thức của nhân dân nói chung và các bậc phụ huynh nói riêng.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phân luồng học sinh là một cách lựa chọn phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mỗi cá nhân, hướng tới có việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

- Tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh ngay từ đầu cấp học; phối hợp với gia đình học sinh để tìm hiểu và nắm rõ nguyện vọng của học sinh.

- Nâng cao nhận thức hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong trong cha mẹ học sinh, học sinh sẽ góp phần tăng tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền và giáo dục hướng nghiệp; tổ chức tham quan trực tiếp nơi sản xuất.

- Các cơ sở giáo dục tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, phụ huynh.

- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm về việc thực hiện tư vấn, hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

1.1. Cấp trung học cơ sở

STT	Các chỉ tiêu	Năm				
		2021	2022	2023	2024	2025
01	Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.	73,65	80,54	86,00	94,08	100
02	Tỷ lệ trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.	77,03	85,23	89,33	96,71	100
03	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.	21,39	29,58	33,55	37,03	40,10

1.2. Cấp trung học phổ thông

STT	Các chỉ tiêu	Năm				
		2021	2022	2023	2024	2025
01	Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.	90,48	90,48	97,62	97,62	100
02	Tỷ lệ trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.	95,24	97,62	97,62	97,62	100
03	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.	42,20	43,36	44,15	45,16	45,67

2. Nhiệm vụ và giải pháp chính

2.1. Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự phối kết hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

2.2. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, về các mô hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm - giảm nghèo hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

2.3. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn trong nhà trường, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác phân luồng, hướng nghiệp.

2.4. Đưa nội dung “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025” vào kế hoạch hoạt động năm học của các cơ sở giáo dục và tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch.

2.5. Thường xuyên bổ sung cập nhật các nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành phù hợp với tình hình của địa phương.

2.6. Thực hiện giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường, giúp học sinh hình thành nên tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, qua đó hiểu được sở thích bản thân, đưa ra những lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cho tương lai.

2.7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, về nhu cầu lao động, thị trường lao động.

2.8. Vận động các nguồn lực để tăng nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác hướng nghiệp cho học sinh.

2.9. Liên kết với các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trong và ngoài tỉnh mở rộng mô hình đào tạo nghề theo thị trường lao động, nâng cao tỷ lệ có việc làm phù hợp cho học viên sau khi ra trường. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm về việc thực hiện tư vấn, hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

2.10. Biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025”.

2. Mở các lớp tập huấn công tác tư vấn, hướng nghiệp cho các trường phổ thông.

3. Cung cấp các loại tài liệu liên quan đến công tác tuyên truyền thực hiện Đề án theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” của UBND tỉnh Long An./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Long An; Đài PT và TH Long An;
- Các PCVP;
- Phòng VHXXH;
- Lưu: VT, lvt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Hòa

Phụ lục
KẾT QUẢ 03 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ ĐỊNH HƯỚNG
PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2018-2025”
VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2021 của UBND tỉnh Long An)

I. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Tỷ lệ % trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	55,56	9	4	44,44	Chưa đạt	55,56	55,56	77,78	100	100
2	Châu Thành	62,50	8	5	62,50	Đạt	62,50	75,00	87,50	100	100
3	Tân Trụ	66,67	6	6	100	Đạt	66,67	66,67	66,67	66,67	100
4	Thủ Thừa	60,00	9	4	44,44	Chưa đạt	60,00	70,00	80,00	90,00	100
5	Bến Lức	61,54	15	5	33,33	Chưa đạt	69,23	76,92	84,62	92,31	100
6	Cần Đước	100	11	11	100	Đạt	100	100	100	100	100
7	Cần Giuộc	57,14	15	12	80,00	Đạt	71,43	80,00	81,25	93,75	100
8	Đức Hòa	100	12	12	100	Đạt	100	100	100	100	100
9	Đức Huệ	55,56	7	7	100	Đạt	66,67	77,78	88,89	100	100
10	Thạnh Hóa	54,55	11	8	72,73	Đạt	63,64	81,82	90,91	90,91	100

STT	Huyện, thị xã, thành phố	kỷ năm 2020	Kết quả đạt được			kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
11	Tân Thạnh	58,33	12	5	41,67	Chưa đạt	58,33	66,67	66,67	83,33	100
12	Mộc Hóa	100	5	5	100,00	Đạt	100	100	100	100	100
13	Kiến Tường	57,14	6	4	66,67	Đạt	57,14	71,43	71,43	85,71	100
14	Vĩnh Hưng	55,56	9	9	100	Đạt	66,67	77,78	88,89	100	100
15	Tân Hưng	100	11	7	63,64	Chưa đạt	100	100	100	100	100
Tổng cộng		69,59	146	104	71,23	Đạt	73,65	80,54	86,00	94,08	100

2. Tỷ lệ % trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	100	9	9	100	Đạt	100	100	100	100	100
2	Châu Thành	62,50	8	5	62,50	Đạt	62,50	75,00	87,5	100	100
3	Tân Trụ	50,00	6	2	100	Đạt	66,67	83,33	100	100	100
4	Thủ Thừa	60,00	9	5	55,56	Chưa đạt	60,00	60,00	70,00	80,00	100
5	Bến Lức	61,54	15	15	100	Đạt	69,23	76,92	84,62	92,31	100
6	Cần Đước	100	11	11	100	Đạt	100	100	100	100	100
7	Cần Giuộc	71,43	15	12	80,00	Đạt	85,71	93,33	93,75	100	100

STT	Huyện, thành phố	Chỉ tiêu đăng kí	Kết quả đạt được			Đánh giá	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
8	Đức Hòa	100	12	12	100	Đạt	100	100	100	100	100
9	Đức Huệ	55,56	7	7	100	Đạt	66,67	77,78	88,89	100	100
10	Thanh Hóa	54,55	11	8	72,73	Đạt	63,64	90,91	90,91	100	100
11	Tân Thạnh	58,33	12	5	41,67	Chưa đạt	58,33	66,67	66,67	83,33	100
12	Mộc Hóa	60,00	5	5	100	Đạt	80,00	100	100	100	100
13	Kiến Tường	57,14	6	6	100	Đạt	57,14	71,43	71,43	85,71	100
14	Vĩnh Hưng	55,56	9	9	100	Đạt	66,67	77,78	88,89	100	100
15	Tân Hưng	100	11	9	81,82	Chưa đạt	100	100	100	100	100
Tổng cộng		71,62	146	120	84,51	Đạt	77,03	85,23	89,33	96,71	100

3. Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	15.49	2.010	258	12,84	Chưa đạt	22,01	28,51	32,00	35,52	40,00
2	Châu Thành	25.46	1.536	461	30,01	Đạt	30,96	34,94	36,93	38,90	40,08
3	Tân Trụ	18.46	845	91	10,77	Chưa đạt	23,96	29,46	32,96	36,46	40,05
4	Thủ Thừa	17.17	1.146	86	7,50	Chưa đạt	22,67	28,17	31,67	35,17	40,08
5	Bến Lức	17.50	2.301	219	9,52	Chưa đạt	23,00	28,50	32,00	35,50	40,25
6	Cần Đước	20.51	2.428	194	7,99	Chưa đạt	26,01	31,51	35,01	38,51	40,02
7	Cần Giuộc	30.50	7.291	762	10,45	Chưa đạt	33,50	36,48	38,48	39,47	40,46
8	Đức Hòa	27.88	3.447	630	18,28	Chưa đạt	33,38	35,89	37,89	39,38	40,39
9	Đức Huệ	24.98	651	75	11,52	Chưa đạt	30,51	35,05	38,50	39,47	40,49
10	Thạnh Hóa	12.34	653	37	5,67	Chưa đạt	17,84	23,34	28,33	34,85	40,07
11	Tân Thạnh	10.46	1.047	69	6,59	Chưa đạt	17,48	25,45	32,91	37,37	40,00
12	Mộc Hóa	22.62	830	48	5,78	Chưa đạt	28,12	32,84	36,31	39,83	40,16
13	Kiến Tường	15.51	639	28	4,38	Chưa đạt	22,36	30,42	35,93	39,38	40,03
14	Vĩnh Hưng	25.53	639	45	7,04	Chưa đạt	31,03	32,99	36,50	38,47	40,06
15	Tân Hưng	19.44	480	49	10,21	Chưa đạt	24,94	30,44	33,94	37,44	40,00
Tổng cộng		21,72	25.943	3.052	11,76	Chưa đạt	27,24	31,86	35,07	37,80	40,21

II. CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Tỷ lệ % trường học có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	66,67	3	2	66,67	Đạt	66,67	66,67	100	100	100
2	Châu Thành	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
3	Tân Trụ	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
4	Thủ Thừa	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
5	Bến Lức	75,00	4	2	50,00	Chưa đạt	75,00	75,00	75,00	75,00	100
6	Cần Đước	100	5	5	100	Đạt	100	100	100	100	100
7	Cần Giuộc	75,00	4	4	100	Đạt	75,00	75,00	100	100	100
8	Đức Hòa	100	5	5	100	Đạt	100	100	100	100	100
9	Đức Huệ	100	3	3	100	Đạt	100	100	100	100	100
10	Thạnh Hóa	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
11	Tân Thạnh	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
12	Mộc Hóa	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
13	Kiến Tường	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
14	Vĩnh Hưng	50,00	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
15	Tân Hưng	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
Tổng cộng		88,10	39	36	92,31	Đạt	90,48	90,48	97,62	97,62	100

2. Tỷ lệ % trường học có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	100	3	3	100	Đạt	100	100	100	100	100
2	Châu Thành	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
3	Tân Trụ	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
4	Thủ Thừa	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
5	Bến Lức	75,00	4	4	100	Đạt	75,00	75,00	75,00	75,00	100
6	Cần Đước	100	5	5	100	Đạt	100	100	100	100	100
7	Cần Giuộc	75,00	4	4	100	Đạt	75,00	100	100	100	100
8	Đức Hòa	100	5	5	100	Đạt	100	100	100	100	100
9	Đức Huệ	100	3	3	100	Đạt	100	100	100	100	100
10	Thạnh Hóa	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
11	Tân Thạnh	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
12	Mộc Hóa	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
13	Kiến Tường	100	1	1	100	Đạt	100	100	100	100	100
14	Vĩnh Hưng	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
15	Tân Hưng	100	2	2	100	Đạt	100	100	100	100	100
Tổng cộng		95,24	39	39	100	Đạt	95,24	97,62	97,62	97,62	100

3. Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu đăng ký năm 2020	Kết quả đạt được			Đánh giá kết quả	Các chỉ tiêu đăng ký				
			Tổng số	Số lượng đạt	Tỷ lệ		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tân An	40,00	1471	79	5,37	Chưa đạt	40,05	40,01	40,00	45,01	45,05
2	Châu Thành	40,00	814	334	41,03	Đạt	40,98	41,96	42,93	43,91	45,00
3	Tân Trụ	39,92	508	136	26,77	Chưa đạt	40,96	42,00	43,06	44,09	45,07
4	Thủ Thừa	43,01	790	395	50,00	Đạt	39,13	39,95	40,69	40,75	45,70
5	Bến Lức	42,87	1361	198	14,55	Chưa đạt	41,74	43,85	45,03	45,64	47,33
6	Cần Đước	42,01	1973	1026	52,00	Đạt	42,98	44,02	45,01	45,02	45,03
7	Cần Giuộc	42,01	5118	1791	34,99	Chưa đạt	41,98	43,03	44,00	45,03	45,00
8	Đức Hòa	39,98	2151	1311	60,95	Đạt	41,31	42,05	43,61	44,42	45,00
9	Đức Huệ	39,59	524	97	18,51	Chưa đạt	40,37	40,52	41,21	41,69	45,26
10	Thạnh Hóa	40,00	354	142	40,11	Đạt	40,94	41,93	42,90	43,84	45,00
11	Tân Thạnh	60,16	630	158	25,08	Chưa đạt	61,23	63,84	60,27	61,71	52,00
12	Mộc Hóa	40,57	339	96	28,32	Chưa đạt	40,74	41,82	42,78	43,50	45,12
13	Kiến Tường	40,07	1659	664	40,02	Chưa đạt	41,91	41,08	43,04	44,04	44,92
14	Vĩnh Hưng	39,90	392	256	65,31	Đạt	40,93	41,84	42,99	43,91	45,00
15	Tân Hưng	40,13	345	110	31,88	Chưa đạt	40,9	42,22	43,82	44,32	45,11
Tổng cộng		41.91	18429	6793	36,86	Chưa đạt	42,20	43,36	44,15	45,16	45,67